

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ điểm 2, điều 5 nghị định số 235-HĐBT ngày 18-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay công bố tỷ lệ phụ cấp chênh lệch giá sinh hoạt theo vùng như sau:

	Nông thôn	Thành phố, thị xã
— Các tỉnh Minh Hải, Hậu Giang, Kiên Giang	0	5
— Các tỉnh An Giang, Cửu Long, Đồng Tháp, Bến Tre, Tiền Giang, Long An	3	9
— Thành phố Hồ Chí Minh	12	15
— Đặc khu Vũng Tàu — Côn Đảo	10	15
— Các tỉnh Đồng Nai, Sông Bé, Tây Ninh	9	14
— Các tỉnh Quảng Nam — Đà Nẵng, Phú Khánh, Thuận Hải, Nghĩa Bình	5	10
— Các tỉnh Gia Lai — Kon Tum, Đắc-Lắc, Lâm Đồng	11	20
— Các tỉnh Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên	14	20
— Các tỉnh Thái Bình, Hà Nam Ninh, Hải Hưng, Thanh Hóa	16	21
— Thành phố Hà Nội	19	25
— Thành phố Hải Phòng	17	24
— Các tỉnh Hà Bắc, Vinh Phú, Hà Sơn Bình	16	23
— Các tỉnh miền núi phía Bắc	21	28

Điều 2. — Phụ cấp này thi hành kể từ ngày 1-9-1985.

Điều 3. — Bộ trưởng Bộ Lao động hướng dẫn thi hành quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

TỔ HỮU

CHỈ THỊ của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 326-CT ngày 29-9-1985 về việc vận dụng chính sách giá bán lẻ trong thời gian tới.

Thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) và nghị quyết số 28-NQ-TW ngày 10-8-1985 của Bộ Chính trị về việc phê chuẩn các phương án giá và lương. Hội đồng Bộ trưởng đã ra quyết định số 244-HĐBT ngày 20-9-1985 về giá bán lẻ hàng tiêu dùng thiết yếu, cước vận tải hành khách

và cước bưu điện. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng lưu ý các Bộ, Tổng cục có liên quan và Ủy ban Nhân dân các cấp nắm vững và thực hiện đúng những nguyên tắc chỉ đạo giá bán lẻ dưới đây:

1. Các ngành, các cấp có trách nhiệm lập phương án giá bán lẻ cũng như phê chuẩn giá bán lẻ (theo sự phân công, phân cấp quy định trong điều lệ quản lý giá) phải bảo đảm tính đủ các chi phí thực sự cần thiết dựa trên các định mức hợp lý về tiêu hao vật tư, lao động, tiền vốn, loại trừ các chi phí bất hợp lý ra khỏi giá thành và phí lưu thông và phải bảo

dảm cho các xí nghiệp và ngân sách Nhà nước nói chung có mức tích lũy cần thiết. Việc bù lỗ qua giá bán lẻ chỉ áp dụng cho một số loại hàng đặc biệt chủ yếu để thực hiện chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước và tùy theo mặt hàng, phải do Hội đồng Bộ trưởng hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố quyết định.

Khi định giá bán lẻ các hàng hóa và dịch vụ, ngoài việc tính đúng và đủ giá vốn, còn phải tính đến quan hệ cung cầu trên thị trường, sức mua có khả năng thanh toán của các tầng lớp dân cư; phải bảo đảm tương quan hợp lý giữa tổng mức giá bán lẻ hàng lương thực, thực phẩm, hàng công nghiệp tiêu dùng và dịch vụ với tiền lương của công nhân, viên chức, tiền công của thợ thủ công, giá thu mua nông, lâm, thủy sản và thu nhập của các tầng lớp dân cư khác.

Sử dụng công cụ giá cả phải kết hợp với tăng cường cải tạo và quản lý thị trường, loại trừ các hoạt động đầu cơ, buôn lậu, kinh doanh trái phép, thực hiện chủ trương Nhà nước độc quyền kinh doanh đối với các loại hàng do Nhà nước thống nhất quản lý, phát triển mạnh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa (cả quốc doanh và tập thể), chuyển hẳn hoạt động của thương nghiệp quốc doanh sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tổ chức hợp lý lưu thông hàng hóa, phấn đấu hạ thấp chi phí lưu thông.

2. Để thực hiện chính sách một giá bán lẻ đối với tất cả các đối tượng tiêu dùng, giá bán lẻ của Nhà nước trong từng thời gian nhất định phải được điều chỉnh cho sát hợp với tình hình sản xuất và tình hình thị trường.

Ủy ban Vật giá Nhà nước phải cùng các ngành có liên quan và các địa phương nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định điều chỉnh sự phân công,

phân cấp quản lý giá bán lẻ cho thích hợp với tình hình mới theo nguyên tắc: hàng hóa lưu thông trong phạm vi cả nước, hàng thiết yếu đối với đời sống của các tầng lớp dân cư, hàng Nhà nước độc quyền kinh doanh thì do Trung ương quyết định giá; hàng sản xuất và lưu thông chủ yếu trong phạm vi từng địa phương thì do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu quyết định giá dưới sự quản lý thống nhất của Trung ương về nguyên tắc chính sách giá; phân cấp cho các cơ sở sản xuất kinh doanh định giá bán lẻ một số mặt hàng phù hợp với yêu cầu chủ động sản xuất kinh doanh, tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm về lỗ lãi của đơn vị cơ sở.

Đối với những mặt hàng do Trung ương định giá thì dù do địa phương sản xuất hay nhập khẩu, đều phải bán ra theo mức giá do Trung ương quy định.

3. Trước mắt, trong khi các ngành, các cấp đang tiến hành các biện pháp sắp xếp, tổ chức lại sản xuất và lưu thông, phấn đấu hạ giá thành và phí lưu thông nhằm đáp ứng yêu cầu của việc thực hiện chính sách giá mới, Hội đồng Bộ trưởng quy định cách xử lý một số trường hợp cụ thể khi công bố giá bán lẻ mới như sau:

a) Đối với những mặt hàng tiêu dùng và dịch vụ thiết yếu thuộc chính sách xã hội như giấy viết học sinh, sách giáo khoa, sản phẩm cơ khí và kim khí phục vụ sản xuất nông nghiệp, quan tài... thì ngân sách Nhà nước (trung ương và địa phương) chủ động bù lỗ để bán ra theo mức giá do Trung ương quy định. Các ngành, các cơ sở sản xuất kinh doanh các mặt hàng và dịch vụ này phải ra sức phấn đấu để giảm dần, tiến tới xóa bù lỗ của ngân sách. Mức bù lỗ phải được xem xét một cách chặt chẽ trên cơ sở giá thành sản xuất và phí lưu thông hợp lý.

b) Đối với gạo: Hội đồng Bộ trưởng giao cho Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương định giá bán lẻ gạo ở địa phương dựa trên các yếu tố hình thành giá như sau:

— Giá mua thóc bình quân ở địa phương do Hội đồng Bộ trưởng quy định.

— Tỷ lệ thu hồi gạo từ thóc xay ra.

— Chi phí xay xát hợp lý và chi phí lưu thông hợp lý trên địa bàn huyện, trừ giá trị các phụ phẩm thu được trong quá trình xay xát (giá trị các phụ phẩm này phải được tính đúng và đủ). Ở các thành phố, thị xã, có thể định mức chi phí lưu thông cao hơn các huyện do phải vận chuyển từ các vùng nông thôn về, nhưng nói chung, không chấp nhận chi phí lưu thông cao đến mức đẩy giá bán lẻ gạo cao hơn giá thu mua thóc quy ra gạo ở địa phương. Nếu chi phí lưu thông quá cao mà tạm thời chưa hạ xuống được thì ngân sách phải tạm thời bù lỗ.

Giá gạo của cấp I giao cho các tỉnh, thành phố, đặc khu là giá bán lẻ gạo ở địa phương đó, trừ lùi chiết khấu thương nghiệp cấp 2. Trường hợp cấp I bị lỗ do phải vận tải từ xa đến thì ngân sách Trung ương bù lỗ. Bộ Lương thực phải chỉ đạo toàn ngành tổ chức lại lưu thông cho hợp lý nhằm hạ thấp chi phí lưu thông, giảm bù lỗ của ngân sách.

Các địa phương giao nộp lương thực (Cũng như các nông, lâm, thủy sản khác) cho Trung ương theo giá mua bình quân do Hội đồng Bộ trưởng quy định cho địa phương, cộng thêm chi phí thu mua hợp lý. Địa phương thừa lương thực nhượng lại cho địa phương thiếu cũng theo giá đó. Nhà nước (cả trung ương và địa phương)

không chủ trương tích lũy qua giá lương thực.

c) Đối với các loại thực phẩm thiết yếu như thịt lợn, cá, nước mắm, rau...: Hội đồng Bộ trưởng giao cho Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu quy định giá bán lẻ tại địa phương trên nguyên tắc:

— Giá bán lẻ phải bù đắp chi phí mua nông sản, hải sản, chi phí chế biến và chi phí lưu thông hợp lý trên địa bàn tỉnh, thành phố, đặc khu. Nhà nước nói chung không tích lũy, cũng không bù lỗ.

— Giá bán lẻ của Nhà nước phải có tác dụng bình ổn giá thị trường, không đẩy giá mua nông sản, hải sản lên.

Ủy ban Nhân dân các thành phố, thị xã, thị trấn cần có biện pháp giúp đỡ, khuyến khích các hợp tác xã nông nghiệp, các hợp tác xã mua bán đem sản phẩm của mình (như rau, quả, gà, vịt, trứng...) từ các vùng nông thôn vào thành phố, thị xã, thị trấn trực tiếp bán lẻ, qua đó mà tăng lượng hàng thực phẩm trên thị trường, giảm tỷ lệ hư hao, và chi phí lưu thông các mặt hàng thực phẩm, nhất là thực phẩm tươi sống.

Riêng đối với thịt lợn, thịt trâu, bò là những mặt hàng Nhà nước thống nhất quản lý và kinh doanh, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải mở rộng thu mua năm nguồn hàng để đáp ứng nhu cầu của nhân dân, nhất là ở các thành phố, thị xã, không để tư nhân tiếp tục buôn bán.

Cần nhanh chóng chấn chỉnh các Công ty và cửa hàng thực phẩm quốc doanh theo hướng: tăng doanh số, kinh doanh tổng hợp, giảm tỷ lệ hư hao và chi phí lưu thông, tăng cường khai thác các nguồn

hàng thực phẩm ở các vùng sản xuất tập trung đề đưa về thành phố, đẩy mạnh việc chế biến và bảo quản dự trữ thực phẩm... qua đó mà hạ giá bán lẻ.

Riêng đối với các thành phố lớn, các khu công nghiệp tập trung và một số tỉnh miền núi, Tây Nguyên, Bộ Nội thương và Bộ Thủy sản cần cùng với Ủy ban Nhân dân địa phương xác định lượng thực phẩm phải điều động từ các nơi khác về đề cân đối với nhu cầu bán ra (trong này có tính phần cần thiết để dự trữ thời vụ) với giá hợp lý. Nếu vì phải vận chuyển xa, giá vốn kinh doanh lên quá cao ảnh hưởng đến giá các mặt hàng tương tự sản xuất tại địa phương thì Bộ Tài chính xem xét, bù lỗ.

d) Đối với các mặt hàng không thuộc loại thiết yếu, chế biến từ nguyên liệu nông, lâm, thủy sản (như rượu, nước giải khát, bánh kẹo...) thì tùy theo giá vốn và sức mua mà định giá hợp lý cho từng khu vực để có thể bán lẻ bình thường theo một giá bảo đảm cho Nhà nước có tích lũy và chi ít không lỗ. Trường hợp kinh doanh các loại hàng này còn lỗ thì phải nghiên cứu ngay việc tổ chức, sắp xếp lại sản xuất và lưu thông để kinh doanh không lỗ và dần dần có tích lũy cho ngân sách (trung ương hoặc địa phương); Nhà nước nhất thiết không bù lỗ cho những mặt hàng này.

đ) Đối với các mặt hàng công nghiệp tiêu dùng do các xí nghiệp công nghiệp nhẹ và thủ công nghiệp sản xuất thì phải nghiên cứu kỹ nhu cầu và sức mua của thị trường để định mức giá bán lẻ

hợp lý. Nếu trước mắt giá vốn còn cao hơn khả năng chấp nhận của xã hội thì phải có phương án cụ thể về sản xuất, về lưu thông, áp dụng mọi biện pháp (kể cả việc sắp xếp, tổ chức lại sản xuất, thay đổi quy cách mặt hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, sử dụng tổng hợp nguyên liệu, tổ chức nguồn hàng hợp lý, cải tiến phân phối...) để có giá vốn và giá bán hợp lý. Trong khi chờ đợi thực hiện các biện pháp trên, riêng đối với một số mặt hàng rất cần thiết cho đời sống của nhân dân thì Nhà nước tạm thời có thể bù lỗ trong một thời gian nhất định. Việc bù lỗ này do Hội đồng Bộ trưởng (đối với các xí nghiệp trung ương) hoặc do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu (đối với các xí nghiệp địa phương) quyết định.

e) Đối với một số rất ít mặt hàng thiết yếu do Trung ương định giá thống nhất cho cả nước, nhưng xét tình hình cung cầu ở địa phương còn căng thẳng (như dầu hỏa, xi-măng, xăng...) nếu xét tạm thời cần định giá bán khác nhau cho một sản phẩm, thì địa phương phải báo cáo xin ý kiến Hội đồng Bộ trưởng và có biện pháp quản lý chặt chẽ, định phương thức bán thích hợp, đi đôi với việc tăng cường quản lý thị trường để không bị đầu cơ lợi dụng, và phải kết hợp các biện pháp kinh tế, hành chính, giáo dục, tích cực phấn đấu tiến tới thực hiện cơ chế một giá.

4. Các ngành, các cấp phải nghiêm chỉnh chấp hành chính sách giá của Đảng và Nhà nước, chỉ đạo thực hiện đúng hệ thống giá Nhà nước mới ban hành, tuyệt đối không được tự tiện thay đổi những

mức giá do Trung ương định, và ra sức phấn đấu đề ổn định thị trường về giá cả, cố gắng đến mức cao nhất giữ hệ thống giá Nhà nước. Phải đề cao việc chấp hành kỷ luật về giá cả, thực hiện nghiêm túc chế độ niêm yết giá đối với quốc doanh, tập thể và tư nhân, kiểm tra việc bán theo giá niêm yết, kiên quyết xử lý theo pháp luật những trường hợp vi phạm kỷ luật giá.

5. Nhận được quyết định của Hội đồng Bộ trưởng về giá bán lẻ hàng tiêu dùng thiết yếu, cước vận tải hành khách và cước bưu điện, và chỉ thị này, các Bộ, Tổng cục có liên quan và Ủy ban Nhân dân các cấp cần soát xét lại giá bán lẻ các mặt hàng tại địa phương, điều chỉnh lại mức giá (có thứ đưa lên, có thứ đưa xuống) cho phù hợp với chính sách giá và mức giá do Trung ương quy định.

Ủy ban Vật giá Nhà nước hướng dẫn và kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện đúng chính sách giá và mức giá do Trung ương quy định.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Phó Chủ tịch
TỔ HỮU

CÁC BỘ

ỦY BAN XÂY DỰNG CƠ BẢN
NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH của Ủy ban Xây
dựng cơ bản Nhà nước số

112-UBXD ngày 22-8-1985 ban
hành một tiêu chuẩn Nhà
nước.

CHỦ NHIỆM

ỦY BAN XÂY DỰNG CƠ BẢN
NHÀ NƯỚC

Căn cứ nghị định số 156-CP ngày 16-4-1979 của Hội đồng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước;

Căn cứ nghị định số 35-CP ngày 9-2-1981 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ trưởng và chức năng của Bộ trong một số lĩnh vực quản lý Nhà nước;

Căn cứ quyết định số 85-HĐBT ngày 1-8-1983 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ủy nhiệm cho Thủ trưởng một số ngành chủ quản xét duyệt và ban hành tiêu chuẩn Việt Nam.

Theo đề nghị của đồng chí Viện trưởng Viện Tiêu chuẩn hóa và Điều hình hóa xây dựng trong tờ trình số 435-TCDH/TC ngày 16-4-1985;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành tiêu chuẩn Việt Nam về xây dựng:

TCVN4057-85 Hệ thống chỉ tiêu chất lượng sản phẩm, xây dựng. Nguyên tắc cơ bản.

Điều 2. — Tiêu chuẩn trên được áp dụng trong cả nước.

Điều 3. — Tiêu chuẩn trên có hiệu lực từ ngày 1-1-1986

Điều 4. — Các tổ chức quản lý công tác xây dựng cơ bản trong cả nước có trách